

Số: 36/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định
mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
91/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách
đầu tư trong lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 881/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11
năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong
lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND
ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

“Điều 3. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng đặc dụng

Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, với mức như sau:

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban Quản lý rừng phòng hộ, các đối tượng khác theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15: 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên của các đơn vị.
2. Cộng đồng dân cư được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng 1.000.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê: 300.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao quản lý.
4. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 150.000 đồng/ha; quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ

Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, với mức như sau:

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng, Doanh nghiệp nhà nước, các đối tượng khác theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15: 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên của các đơn vị.
2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: 1.000.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê: 300.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao.
4. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ đối với vùng đất ven biển bằng 1,5 lần mức quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.
5. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 150.000 đồng/ha; quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

“Điều 7. Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

1. Nhà nước cấp kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, với mức như sau:

- a) Mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/ha/năm;
- b) Mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/ha/năm đối với diện tích rừng thuộc vùng đất ven biển.

2. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng và quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng như sau:

- a) Lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng: 150.000 đồng/ha;
- b) Quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng: 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.”.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Các trường hợp đã thực hiện giao khoán, bảo vệ rừng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2025 quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cho đến khi kết thúc hợp đồng giao khoán.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Ngô Chí Cường